

Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu: Lý luận và thực tiễn

Sustainable agricultural development policy the mekong delta adapts to climate change: Theory and practice

Trần Hoàng Khải*

Trường chính trị Châu Văn Đặng

* khaitctcvd@gmail.com

Ngày nhận bài:

05/11/2023

Ngày chấp nhận đăng:

23/1/2024

Keywords:

*Sustainable
agriculture, climate
change, policy.*

ABSTRACT

These days, climate change is a major concern for people all over the world. The agricultural industry has been impacted by the effects of climate change in a wide range of levels and in many different aspects of socio-economic life and the environment. The Mekong Delta is the area that produces the greatest amount of agricultural products in the nation, however, the effects of climate change have had an impact on the production process, leading to imbalance, instability, and unsustainability. Numerous policies have been put forth and put into effect to alter the Mekong Delta's agricultural production model, adapt to climate change, and boost output value. Based on an analysis and evaluation of related literature, this study was carried out to add to the body of knowledge regarding the theoretical and practical aspects of climate change adaptation strategies for sustainable agricultural development in the Mekong Delta region, as well as lessons learned and future implementation directions.

TÓM TẮT

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là vấn đề được quan tâm nhiều trên phạm vi toàn cầu trong giai đoạn hiện nay. Những tác động của BĐKH đã ảnh hưởng đến hoạt động đời sống kinh tế xã hội và môi trường ở nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực sản xuất và đóng góp sản phẩm nông nghiệp cao nhất cả nước nhưng những tác động của BĐKH đã ảnh hưởng đến quá trình sản xuất gây mất cân đối, không ổn định và thiếu bền vững. Nhiều chính sách được đề xuất và thực thi nhằm thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp của ĐBSCL, thích ứng với BĐKH và gia tăng giá trị sản xuất. Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở tổng hợp đánh giá kết quả các công trình có liên quan, góp phần bổ sung những vấn đề về lý luận và thực tiễn các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH, những bài học kinh nghiệm và định hướng thực hiện trong thời gian tới.

Từ khóa: *Nông nghiệp
bền vững, biến đổi khí
hậu, chính sách.*

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có

nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, đây là điều kiện để phát triển kinh tế nông nghiệp

toàn diện. Diện tích cả vùng khoảng 39,734 ngàn km², có hơn 2,4 triệu ha đất canh tác nông nghiệp và 700 ngàn ha nuôi trồng thủy sản (Nguyễn Ngọc Đệ và Nguyễn Duy Cần, 2016). Giá trị sản xuất của vùng ĐBSCL đóng góp trên 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản và 70% sản lượng trái cây của cả nước. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021, ĐBSCL đứng đầu cả nước về sản lượng lúa, thủy sản và trái cây, với 24,3 triệu tấn lúa, chiếm 55,4% cả nước; 4,3 triệu tấn trái cây, chiếm 60%; thủy sản 4,79 triệu tấn, chiếm tới 55,7% sản lượng thủy sản của cả nước, trong đó sản lượng nuôi trồng 3,37 triệu tấn, chiếm tới 69,5% sản lượng nuôi trồng của cả nước. Nông nghiệp ĐBSCL đã từng bước phát triển vượt bậc, toàn diện; tiến tới hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, chuyên canh nông sản chủ lực gắn với công nghệ chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản; cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng thị trường, đảm bảo chất lượng và năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh tiếp cận với công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật (Nguyễn Xuân Cường, 2019). Trong tương lai, nông nghiệp vùng ĐBSCL không chỉ tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, mà còn vươn lên trở thành ngành kinh tế năng động, PTBV, tham gia sâu vào hội nhập kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nền nông nghiệp ĐBSCL đang gặp những thách thức lớn do BĐKH và thiên tai cực đoan, BĐKH có thể tác động đến thời vụ, làm thay đổi cấu trúc mùa, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh và sản lượng. Đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển sẽ làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp và hạn hán sẽ ảnh hưởng đến sự phân bố của cây trồng, làm giảm năng suất. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đã xác định ĐBSCL cần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu nông nghiệp phù hợp với từng vùng sinh thái, chủ động thích ứng, thực hiện hiệu quả các dự án ứng phó với BĐKH, nước biển dâng; giải quyết vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún, hạn mặn; xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Kông. Do vậy, các giải pháp phát triển kinh tế

nông nghiệp bền vững nhằm bảo đảm an ninh lương thực, xóa đói, giảm nghèo,... trong bối cảnh BĐKH đang là những vấn đề cấp bách đặt ra với ngành Nông nghiệp ĐBSCL trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), thích ứng với là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hay môi trường thay đổi, mục đích làm giảm khả năng bị tổn thương do dao động hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại. Thích ứng với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp của con người là cách mà người dân làm để ngày càng giảm thiểu được thiệt hại do BĐKH gây ra cho sản xuất nông nghiệp, để hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản ít bị tổn thương, giữ được năng suất qua đó góp phần tạo thu nhập ổn định cuộc sống cho người dân (Đặng Thị Hoa, 2015).

Theo Tổ chức Lương thực của Liên Hiệp quốc FAO, phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình quản lý và duy trì sự thay đổi về tổ chức, kỹ thuật và thể chế cho nông nghiệp phát triển nhằm đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của con người về nông phẩm và dịch vụ ở hiện tại và tương lai. Sự phát triển này không làm tổn hại đến môi trường, không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên phù hợp với kỹ thuật công nghệ, đem lại hiệu quả kinh tế được xã hội chấp nhận (Nguyễn Minh Luân, 2016).

Theo Nguyễn Thị Miên (2017), phát triển nông nghiệp bền vững là sự phát triển kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH trong quá trình phát triển. Ở một cách tiếp cận khác, nông nghiệp PTBV là quá trình sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, phải bảo đảm được mục đích là kiến tạo một hệ thống bền vững kinh tế - xã hội - môi trường, nhằm thỏa mãn nhu cầu về phát triển nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của phát triển tương lai và được xã hội chấp nhận. Bền vững về kinh tế

là sản xuất nông nghiệp hướng đến chuỗi giá trị, hiệu quả đạt cao, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng, không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi, dự trữ lương thực mà còn xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Bền vững về xã hội, là một nền nông nghiệp PTBV phải đảm bảo cho người nông dân có đầy đủ công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên. Bền vững về môi trường, là mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp không hủy hoại nguồn tài nguyên thiên nhiên và không gây ô nhiễm môi trường (Nguyễn Thị Hương, 2015).

Ngày nay, phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững đã trở thành mục tiêu chiến lược quan trọng mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm biến thành hành động, ở hiện tại và tương lai. Thông qua mục tiêu chung của Đảng, Nhà nước ta trong Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, *nông nghiệp bền vững có thể được khái niệm là ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng*. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với BĐKH và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu (Richard R. Harwood, 1990).

3. Ảnh hưởng của BĐKH đến nông nghiệp vùng ĐBSCL

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21 (IPCC, 2007). Các diễn biến thời tiết bất thường, thiên tai, bão, lũ và khô hạn... gia tăng ở hầu hết các nơi trên thế giới, nhiệt độ trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh và làm gia tăng tốc độ tan băng ở các đầu cực trái đất làm mực nước biển dâng cao.

Theo kịch bản quốc gia về biến đổi khí hậu của Việt Nam: với kịch bản đường phân bố nồng độ khí nhà kính đại diện (Representative Concentration Pathways - RCP) RCP 4.5, thì đến cuối thế kỷ, khu vực ĐBSCL có nhiệt độ

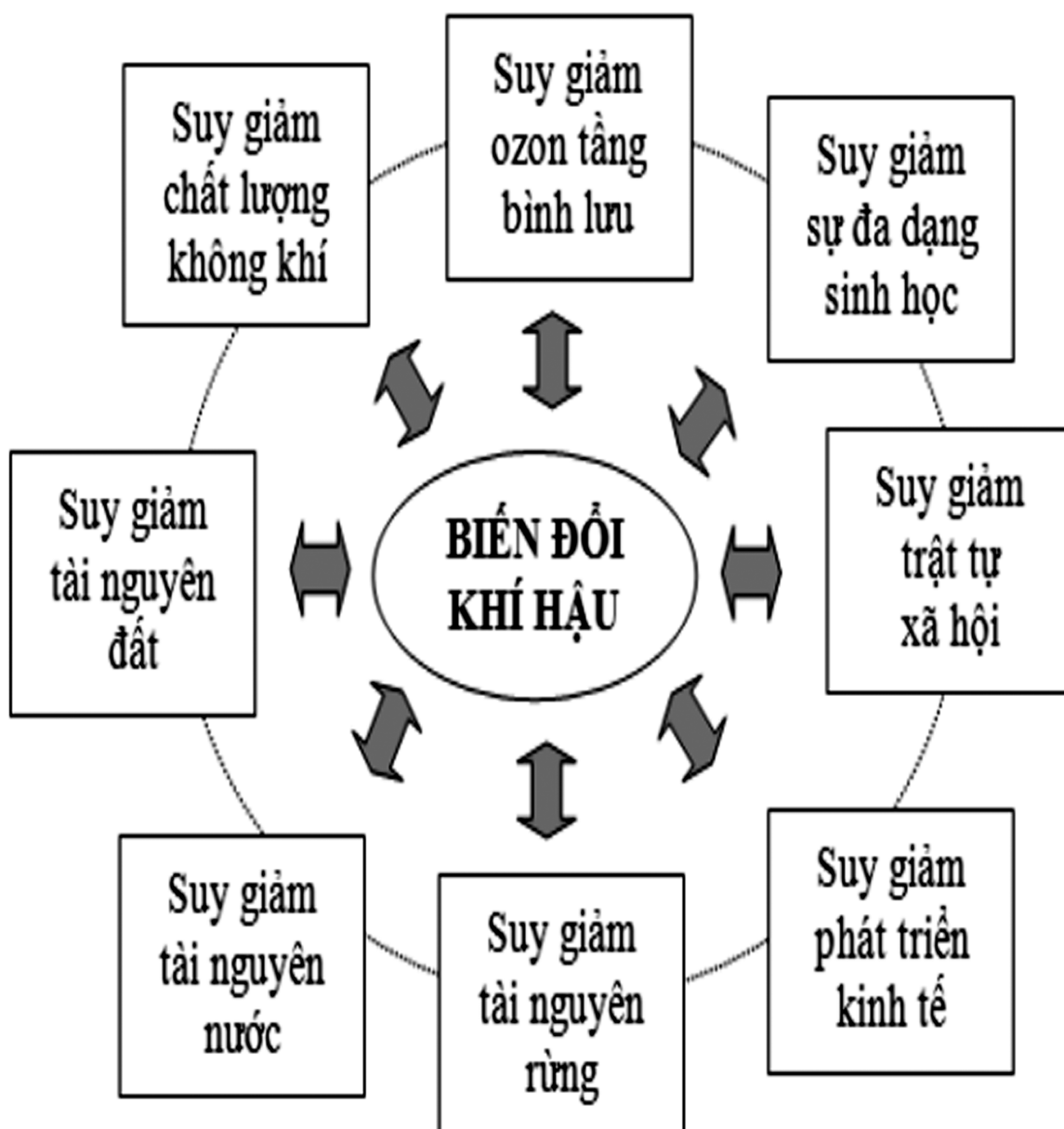
trung bình có thể tăng 1,7°C tới 1,9°C, mưa có thể tăng 5-15%, và nước biển dâng từ 32 cm đến 78 cm; với kịch bản RCP 8.5, thì đến cuối thế kỷ, khu vực ĐBSCL có nhiệt độ trung bình có thể tăng 3,0°C tới 3,5°C, mưa có thể tăng trên 20% và nước biển dâng từ 48 cm đến 106 cm. Nước biển dâng 1 m có thể làm 38,9% diện tích ở ĐBSCL có nguy cơ bị ngập, 35% dân số ở ĐBSCL bị ảnh hưởng, trong đó hai tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang có diện tích ngập lớn nhất (80,6% và 76,9%) (Bộ TN&MT, 2016). Từ kết quả mô phỏng thủy lực ngập lũ và xâm nhập mặn, mức độ tổn thương do BĐKH tới cấp nước của người dân khu vực nông thôn cho thấy tỷ lệ dân số nông thôn bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn tăng từ 39.5% tại thời điểm 2012 lên 41.4, 45.3 và 47.6% vào các năm 2020, 2030 và 2050; dân số bị ảnh hưởng ngập lũ tăng từ 66.7 lên 71.9, 74 và 79.2% vào các năm 2020, 2030 và 2050. Chất lượng và trữ lượng nước suy giảm đáng kể, nhiều vùng khan hiếm nước nghiêm trọng xảy ra, do đó trong tương lai cần thiết phải có các giải pháp tạo nguồn và cấp nước hợp lý vùng ĐBSCL để đảm bảo cuộc sống người dân và nhu cầu sản xuất.

Từ cuối năm 2015 đến tháng 6/2016, các địa phương vùng ĐBSCL đã hứng chịu các đợt hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng. Tính đến tháng 6/2016, 13/13 tỉnh, thành phố đã ban hành quyết định công bố bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn. Hạn hán, xâm nhập mặn đã làm cho khoảng 139.000 ha lúa của vùng bị thiệt hại, trong đó có hơn 50% diện tích bị mất trắng gây thiệt hại khoảng 215 tỷ đồng. Đồng thời hạn hán, xâm nhập mặn làm cho khoảng 400.000 hộ dân (1,5 triệu nhân khẩu) bị thiếu nước sinh hoạt... (Bộ NN&PTNT, 2016). Ước tính tổng thiệt hại trong đợt hạn - mặn năm 2015 – 2016 toàn vùng là gần 7.520 tỷ đồng, trong đó, các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, và Bạc Liêu là những địa phương bị thiệt hại lớn nhất (khoảng 6.050 tỷ đồng). Trong các năm 2017 và 2018 khu vực ĐBSCL lại tiếp tục phải hứng chịu những đợt sạt lở bờ sông, bờ biển với tần suất và quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử hơn 300 năm phát triển của vùng. Sạt lở đã uy hiếp trực tiếp đến tính mạng, tài sản của nhân

dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn các công trình phòng chống thiên tai và cơ sở hạ tầng vùng ven biển, và làm suy thoái rừng ngập mặn ven biển. Tổng thiệt hại do sạt lở bờ sông, bờ biển ở các tỉnh ĐBSCL tính đến hết năm 2018 vào khoảng 2.766,6 tỷ đồng. Thiệt hại do thiên tai và BĐKH ở vùng ĐBSCL ngày càng

gia tăng nhanh chóng với mức độ ngày càng nghiêm trọng (thiệt hại nặng nhất là giai đoạn 2017- 2018 với 7.990 tỷ đồng). Tính chung trong giai đoạn 2010-2018, tổng thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra ở ĐBSCL là khoảng 20.945 tỷ đồng (Nguyễn Quang Thuận và ctv., 2019).

Hình 1. Tác động của BĐKH đến tài nguyên, kinh tế và xã hội (Lê Anh Tuấn, 2011)



Xâm nhập mặn làm thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nguồn nước sinh hoạt của người dân không còn, dẫn đến kinh tế bị giảm sút. Với tình hình xâm nhập mặn như hiện nay và việc vận hành hệ thống cống ngăn mặn chưa hợp lý nên việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn, mùa vụ thất bát, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân. Do đó, các nhà quản lý, nhà khoa học đã và đang đưa ra những giải pháp để khắc phục và phòng chống xâm nhập mặn (Hoàng Ngọc Hiền và ctv, 2016).

4. Tổng kết một số chính sách ứng phó với BĐKH

Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình Mục tiêu quốc gia về BĐKH năm 2008, có nhiều chính sách trực tiếp và gián tiếp liên quan đến ứng phó với BĐKH ở vùng ĐBSCL được ban hành. Những chính sách ứng phó với BĐKH có nội dung tổng thể đa ngành, đa lĩnh vực có tính chất liên ngành và đa mục tiêu nhằm đảm bảo cân bằng thích ứng với sự thay đổi của môi trường sinh thái với các hoạt động sản xuất, dân sinh trong đó có lĩnh vực nông nghiệp gồm có 04 nhóm chính sách chính được trình bày sau đây:

4.1. Nhóm chính sách liên quan đến quy hoạch phát triển vùng

Theo Nguyễn Quang Thuần và ctv., (2019) đến tháng 12/2017, đã có hơn 2.500 quy hoạch được lập cho vùng ĐBSCL có lồng ghép trực tiếp và gián tiếp vấn đề ứng phó với BĐKH. Trong đó, riêng quy hoạch cấp vùng hiện có tới 22 bản quy hoạch, gồm: 3 quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội; 5 quy hoạch về xây dựng; 7 quy hoạch về phát triển nông nghiệp, nông thôn; 7 quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu (giao thông, điện lực, thương mại, du lịch, thông tin và truyền thông...). Các quy hoạch cấp vùng cũng được lập theo phạm vi không gian khác nhau, như: phạm vi toàn vùng ĐBSCL (13 tỉnh, thành phố), vùng kinh tế trọng điểm (4 tỉnh, thành phố) và vùng biển, ven biển Việt Nam thuộc vịnh Thái Lan (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2017).

Theo đó, chính sách quy hoạch mới nhất của vùng ĐBSCL được Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg, ngày 28/02/2022 về “Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” với quan điểm phát triển ĐBSCL theo hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP. Trong đó, phương hướng phát triển nông nghiệp là chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp thích ứng với thay đổi về điều kiện tự nhiên theo 3 tiểu vùng sinh thái.

Một là, Vùng sinh thái ngọt ở thượng nguồn và trung tâm của đồng bằng (bao gồm các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và một phần của các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An): là vùng sinh thái nước ngọt an toàn trước tác động của lũ, ngập, xâm nhập mặn; là vùng trọng điểm về sản xuất lúa, thủy sản nước ngọt và trái cây của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; phát triển nền nông nghiệp đa dạng, theo hướng hiện đại và bền vững, có tính đến thích ứng với lũ cực đoan, đóng vai trò điều tiết và hấp thu lũ cho đồng bằng sông Cửu Long.

Hai là, Vùng sinh thái mặn - lợ ở ven biển (bao gồm một phần lãnh thổ của các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An): phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, mặn - lợ trên bờ và trên biển; đánh bắt hải sản; khôi phục và phát triển rừng ngập mặn ven biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và dải bờ biển; phát triển hệ thống nông - lâm kết hợp theo hướng sinh thái, hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái; chủ động phòng, tránh, giảm thiểu rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Ba là, Vùng chuyển tiếp ngọt - lợ ở giữa đồng bằng (bao gồm một phần lãnh thổ của các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An): phát triển thủy hải sản nước lợ chuyên canh và luân canh với lúa, rau màu phù hợp với điều kiện về nguồn nước theo mùa.

Phát triển các sản phẩm chiến lược theo ba trọng tâm: Thủy sản, trái cây và lúa gạo theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản, trái cây và giảm tỷ trọng lúa gạo. Phát triển nông nghiệp hàng

hóa chất lượng cao, kết hợp với thương mại, dịch vụ logistic, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị có vai trò là trung tâm cấp vùng, tiểu vùng và các đầu mối hạ tầng quốc gia, liên vùng; là nơi cung cấp các dịch vụ về logistics, nghiên cứu phát triển, đào tạo và chuyển giao công nghệ, thu gom, chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

4.2. Nhóm chính sách liên quan đến hạ tầng ứng phó với BĐKH

Chính phủ ban hành Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 về phê duyệt Quy hoạch thủy lợi ĐBSCL giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng. Quyết định đã nhấn mạnh, quy hoạch thủy lợi nhằm góp phần khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo vệ và phát triển nguồn nước ở thượng lưu và vùng lân cận. Quy hoạch trên cũng đặc biệt nhấn mạnh, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; hạn chế các tác hại do nước gây ra, nhất là lũ lụt và xâm nhập mặn trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng. Do đó, quy hoạch đã đưa ra các giải pháp như: (i) kiểm soát mặn, giải quyết mâu thuẫn giữa vùng nuôi trồng thủy sản ven biển và vùng sản xuất nông nghiệp của các tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang và Bạc Liêu thuộc lưu vực sông Cái Lớn - Cái Bé; (ii) chủ động ứng phó với BĐKH, NBD, tạo nguồn nước ngọt cho vùng ven biển để giải quyết tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô, phòng chống cháy rừng; (iii) tăng cường khả năng thoát lũ, tiêu úng, tiêu chua cải tạo đất phèn; và (iv) kết hợp phát triển giao thông thủy, bộ trong vùng dự án.

Để triển khai Quyết định số 1397/QĐ-TTg, đi kèm theo đó Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 17/4/2017 về Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống Thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, với

tổng mức đầu tư 3.309,5 tỷ đồng (Nguyễn Quang Thuần và ctv., 2019). Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 về Phê duyệt dự án Phát triển đô thị ứng phó với BĐKH giai đoạn 2013 - 2020. Theo đó, vùng ĐBSCL có 12 đô thị được Chính phủ hỗ trợ xây dựng kịch bản đánh giá tác động của nước biển dâng, nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH, và xây dựng quy hoạch đô thị ứng phó với BĐKH và nước biển dâng. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Với mục tiêu phát triển vùng ĐBSCL theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững và thích ứng với BĐKH. Phát triển vùng trở thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Phát triển mạnh kinh tế biển, du lịch sinh thái. Phát triển không gian vùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, mang đặc thù của vùng ĐBSCL nhằm phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường (Nguyễn Quang Thuần và ctv., 2019).

4.3. Nhóm chính sách liên quan đến liên kết vùng trong việc hình thành các sản phẩm chủ lực trong bối cảnh ứng phó với BĐKH

Quyết định số 639/QĐ-BNN-KH ngày 02/4/2014 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện BĐKH. Trong đó, nhấn mạnh quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL trên cơ sở đổi mới tư duy, cách tiếp cận thị trường; khai thác, phát huy lợi thế của vùng và địa phương để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và PTBV; tạo sự liên kết sản xuất, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh, cánh đồng lớn; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ trong sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong bối cảnh ứng phó với tác động của BĐKH.

Đề cụ thể hóa cơ chế pháp lý cho liên

kết vùng ở ĐBSCL, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về việc Ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, chú trọng đến nội dung liên kết vùng trong ứng phó với BĐKH, như: (i) đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu, phòng chống lũ, kiểm soát xâm nhập mặn; (ii) quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong mùa khô; (iii) xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê bao, cống, đập, vành đai rừng ngập mặn và các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH... Nhằm triển khai Quyết định nói trên, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 17/11/2016 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định 593/QĐ-TTg. Quyết định 2220 đã đưa ra kế hoạch hành động liên kết vùng nhằm ứng phó với BĐKH, gồm: (i) kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước nhằm mục tiêu kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, tăng cường khả năng lưu chứa nước ngọt của vùng; (ii) kế hoạch trồng rừng ngập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng BĐKH, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc rừng. Để tiếp tục thúc đẩy thực hiện Quyết định 593 tại các địa phương, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 về việc Thành lập Tổ chỉ đạo liên ngành về liên kết vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020 (Nguyễn Quang Thuấn và ctv., 2019).

Nhằm bổ sung nhiệm vụ và tiếp tục triển khai thực hiện các nhóm chính sách về quy hoạch vùng và liên kết vùng, ngày 12/6/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 825/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025. Những nội dung, lĩnh vực hoạt động điều phối liên quan đến các vấn đề về liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL, điều phối thực hiện Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, triển khai các hoạt động liên kết quy định tại

Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 và một số nội dung khác do Thủ tướng Chính phủ quy định và phân công.

4.4. Nhóm chính sách ứng phó mang tính tổng hợp, liên ngành, đa mục tiêu

Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về PTBV vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH được Chính phủ phê duyệt và ban hành với mục tiêu PTBV vùng đồng ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH và ứng phó với các thách thức từ sự phát triển nội tại của vùng và khu vực thượng nguồn. Nghị quyết đã đề ra các chủ trương mang tính chiến lược như : (i) mô hình phát triển phải lấy con người làm trung tâm; (ii) xác định BĐKH và nước biển dâng là xu hướng tất yếu, phải sống chung và thích nghi, lấy tài nguyên nước là cốt lõi làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển vùng; (iii) việc chuyển đổi mô hình phải dựa trên hệ sinh thái, tôn trọng các quy luật tự nhiên; (iv) tiếp cận tổng hợp, theo hướng tích hợp tổng thể kinh tế - xã hội toàn vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng; (v) mọi hoạt động đầu tư phải được điều phối thống nhất, đảm bảo tính liên vùng, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm. Với sự ra đời của Nghị quyết đã góp phần kiến tạo một tầm nhìn phát triển dài hạn, bền vững vùng ĐBSCL, dựa trên nguyên tắc tôn trọng các giá trị sinh thái tự nhiên, con người của vùng. Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về PTBV vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH được thiết kế gồm 6 nội dung chính: (i) rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách; (ii) cập nhật hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành; (iii) xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ; (iv) xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý phục vụ nền nông nghiệp thị trường đa dạng, thích ứng với BĐKH; (v) xây dựng các dự án hạ tầng gắn với thích ứng BĐKH; và (vi) phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó Chính phủ đã xây dựng 55 đề án, chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách cần thực hiện ở 13 tỉnh vùng ĐBSCL. Đồng thời, để thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP, một số bộ cũng ban hành kế

hoạch hành động thực hiện Nghị quyết. Điển hình là Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định 2878/QĐ- BTNMT ngày 28/8/2018 về Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP gồm có 7 nhiệm vụ chính: (i) cập nhật, hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành vùng ĐBSCL; (ii) rà soát hoàn thiện bổ sung cơ chế chính sách về tài nguyên và môi trường; (iii) rà soát hoàn thiện phương án quy hoạch lĩnh vực tài nguyên và môi trường; (iv) tuyên truyền nâng cao nhận thức; (v) phát triển ứng dụng khoa học công nghệ; (vi) huy động và quản lý tài chính; và (vii) tăng cường hợp tác quốc tế. Dựa trên 7 nhiệm vụ trọng tâm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng 21 đề án, dự án với các hoạt động cụ thể để thực hiện tại vùng ĐBSCL. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định 816/QĐ-BNNPTNT ngày 7/3/2018 về Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP với 38 nhiệm vụ, dự án được thực hiện ở các địa phương vùng ĐBSCL. Trong giai đoạn 2008- 2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ trưởng và thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ đã ban hành 66 văn bản pháp luật gồm các Hiệp ước, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư, Chỉ thị, và quy hoạch có liên quan trực tiếp đến ứng phó với BĐKH ở vùng ĐBSCL (Nguyễn Quang Thuấn và ctv., 2019).

Từ những kinh nghiệm thực tiễn và xu thế phát triển của xã hội hiện nay, mô hình kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu được thay thế cho mô hình kinh tế tuyến tính trong mọi lĩnh vực sản xuất trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Đề án “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam” được Chính phủ ban hành theo Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 22/6/2022 nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách tạo hành lang pháp lý cho sự hình thành và phát triển khu vực nông thôn. Nghiên cứu, triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng chất thải nông nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động, nghiên cứu triển khai công nghệ xử lý chất thải nông nghiệp, chuyển giao khoa học

công nghệ. Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng và sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu suy thoái môi trường. Theo đó, Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục xây dựng dự thảo Đề án “Phát triển khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2023” trong quá trình hoàn thiện bổ sung để đưa vào triển khai thực hiện.

4.5. Nhận định hoạt động thực hiện chính sách

Kể từ khi các chính sách và chương trình, dự án nêu trên được triển khai ở khu vực ĐBSCL, đời sống của người dân đã được cải thiện, thu nhập tăng, tạo sinh kế bền vững và thích ứng tốt với BĐKH. Tuy nhiên, chính sách thích ứng với BĐKH ở vùng ĐBSCL trong thời gian qua vẫn còn những bất cập ở một số khía cạnh được đề cập sau đây:

Thứ nhất, việc tuyên truyền chính sách ứng phó với BĐKH ở vùng ĐBSCL dù đã được triển khai, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Hình thức và nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung vào nâng cao nhận thức, nhưng lại thiếu các giải pháp cụ thể tác động trực tiếp tới đối tượng bị ảnh hưởng do BĐKH.

Thứ hai, BĐKH có ảnh hưởng trên diện rộng, tác động mang tính liên tỉnh, lên vùng sinh thái - xã hội. Mặc dù có triển khai các chính sách liên kết vùng nhưng các chương trình, dự án ứng phó với BĐKH trong thời gian qua chủ yếu được xây dựng và thực hiện cục bộ, manh mún, cát cứ thuộc ranh giới của từng địa phương trong vùng. Ví dụ, 7 dự án được Chính phủ phân bổ vốn để thực hiện trong Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH chỉ được triển khai riêng biệt trong nội bộ 7 tỉnh. Trong quá trình lập dự án, các địa phương thiếu tính tiếp nối, liên kết và chia sẻ thông tin với nhau, trong khi các dự án về xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi trong ứng phó với BĐKH sẽ tác động tiêu cực đối với tỉnh hay vùng lân cận, nếu như không được thực hiện một cách đồng bộ. Điều này, dẫn đến công tác ứng phó

với BĐKH kém hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực (Bùi Quang Tuấn và Hà Huy Ngọc, 2018).

Hoạt động liên kết vùng, tiểu vùng (*các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long; vùng Đồng Tháp Mười; vùng duyên hải phía đông ĐBSCL và tiểu vùng Bán đảo Cà Mau*) hoạt động chưa thật sự hiệu quả trong hoạt động điều phối thực hiện quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL, mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên bền vững chưa được phối hợp triển khai nhịp nhàng và đồng bộ.

Thứ ba, các chương trình, dự án về ứng phó với BĐKH thời gian qua hầu hết được thiết kế tập trung vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng, như: xây dựng đê biển, đê sông, hồ chứa, đập, kênh rạch thoát lũ, cống ngăn mặn... (chiếm khoảng 89% nguồn vốn đầu tư cho BĐKH ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn 2011-2017) (Nguyễn Quang Tuấn và ctv., 2019). Các dự án chưa chú trọng ưu tiên dành nguồn lực cho giải pháp phi công trình, bán công trình và giải pháp công nghệ (như: hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm thiên tai, năng lượng tái tạo, thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái, bảo vệ rừng ngập mặn, mô hình sinh kế bền vững cho cộng đồng...).

Thứ tư, nhu cầu ngân sách để chi cho ứng phó với BĐKH ở các địa phương vùng ĐBSCL là rất lớn, trong khi 12/13 tỉnh, thành phố chưa cân đối được thu - chi ngân sách và phải xin ngân sách từ Trung ương. Trong bối cảnh ngân sách đầu tư công bị thắt chặt và cắt giảm như hiện nay, thì chi ngân sách chỉ đáp ứng được khoảng 25% so với nhu cầu của các địa phương, trong khi đó, khó thu hút được nguồn kinh phí đầu tư cho BĐKH từ khu vực tư nhân hay từ cộng đồng (Bùi Quang Tuấn và Hà Huy Ngọc, 2018).

5. Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH.

5.1. Hà Lan

Hà Lan là một đất nước nằm ở phía Tây Bắc châu Âu và cũng là nước có nguồn gốc nông nghiệp. Trong những năm gần đây, nông nghiệp Hà Lan đang chịu ảnh hưởng bởi BĐKH,

do đó để phát triển nông nghiệp thích ứng với BĐKH, Hà Lan đã thực hiện nhiều biện pháp thành công. Hà Lan được biết đến là nước cung cấp hoa, cây trồng và cây ăn trái hàng đầu thế giới, đứng đầu về thị trường xuất khẩu hoa, cây trồng, hạt giống và đứng thứ ba thế giới về xuất khẩu các sản phẩm dinh dưỡng từ hoa. Lĩnh vực nông nghiệp có lợi thế về tiềm năng phát triển kinh tế của quốc gia Hà Lan. Để có những thành tựu về lĩnh vực này, những công nghệ được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp ở Hà Lan đã áp dụng công nghệ nhà kính thông minh có thể nổi trên mặt nước, di chuyển theo từng mảng, sử dụng công nghệ robot, công nghệ ánh sáng hiện đại, tái sử dụng nước và chất thải và quan trọng hơn các nhà kính tạo ra nhiều năng lượng hơn so với năng lượng tiêu thụ trong sản xuất và do đó góp phần vào việc giảm khí CO₂. Hà Lan hiện có khoảng hơn 60 km² diện tích nhà kính, vì vậy việc ảnh hưởng đến môi trường là rất nhỏ vì chú trọng đến ý tưởng và công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh việc áp dụng công nghệ trong trồng hoa, Hà Lan cũng áp dụng công nghệ nhà kính trong phát triển trồng rau và trái cây, Westland là một tỉnh ở phía Nam của Hà Lan, nơi thường xuyên xảy ra ngập lụt. Lũ lụt đã tạo ra các con rạch ven biển và được bồi lắng theo thời gian, do đó người dân có thể sinh sống tại khu vực này. Điều kiện khí hậu ôn hòa, ẩm áp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng rau và trái cây. Từ thế kỉ 19, hoạt động trồng rau màu và trái cây đã bắt đầu phát triển dựa vào hệ thống giao thông thuận lợi, giúp vận chuyển hàng hóa nhanh chóng từ nơi canh tác đến nơi tiêu thụ. Ngày nay, Westland trở thành khu vực hiện đại và phát triển do phát triển nông nghiệp trong những thập kỉ qua. Trong khi diện tích nhà kính giảm, bằng cách đổi mới trong quá trình xử lý và canh tác lợi nhuận mang lại ngày càng tăng.

5.2. Trung Quốc

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng và đóng góp lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc. Tuy nhiên, nông nghiệp Trung Quốc đã và đang phải gánh chịu ảnh

hưởng nặng nề của BĐKH. Biến đổi khí hậu tại Trung Quốc đang diễn ra nhanh hơn ở hầu hết các quốc gia khác trên thế giới và tác động như mưa dữ dội, nắng nóng cực đoan và sông băng và băng vĩnh cửu tan biến - đang diễn ra với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn (the Blue Paper of Climate Change 2019 in China, 2019). Trung Quốc hiện nay là quốc gia có nguy cơ lũ lụt cao nhất trên thế giới, ước tính mức thiệt hại 25 tỷ euro mỗi năm. Theo đó, Trung Quốc đang nóng lên nhanh hơn đáng kể so với mức trung bình của thế giới, với mức tăng 0,24°C/thập kỷ kể từ năm 1951. Các đợt nắng nóng cực đoan gia tăng đáng kể, điển hình là năm 2019 ghi nhận nhiệt độ lên đến 43°C và 64 trạm khí tượng đã báo cáo mức nhiệt độ kỷ lục. Nhằm ứng phó với BĐKH, năm 2014, dự án Phát triển Nông nghiệp hiện đại tích hợp (IMAD) giúp xây dựng nền nông nghiệp PTBV thích ứng với BĐKH được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Trung Quốc, cùng với sự hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật của Trung tâm Đầu tư của FAO đã giúp người nông dân ứng phó với BĐKH và thực hành nông nghiệp thông minh bền vững. Dự án đã giúp cải thiện cơ sở hạ tầng đất nông nghiệp, phát triển công nghệ nông trại và hỗ trợ thể chế bằng cách cải thiện hệ thống tưới tiêu, thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH, nâng cao năng lực của các hiệp hội và hợp tác xã nông dân. Hỗ trợ của dự án cũng đã được sử dụng để mở những con đường tiếp cận mới nhằm cho phép cơ giới hóa và dễ dàng vận chuyển sản phẩm của nông dân quanh năm; giảm việc sử dụng thuốc trừ sâu bằng cách sử dụng các sản phẩm thay thế như đèn diệt côn trùng chạy bằng năng lượng mặt trời; bên cạnh đó, dự án cũng giới thiệu các giống cây trồng mới thích ứng tốt hơn với thời tiết khắc nghiệt như hạn hán, bão lụt. Dự án là phát triển một “trạm khí tượng vi mô” thử nghiệm được thiết lập trên một cánh đồng lúa. Trạm khí tượng này dự báo và cung cấp thông tin theo thời gian thực qua tin nhắn về điều kiện khí tượng và tư vấn nông nghiệp cho người nông dân, đặc biệt là về thời gian gieo hạt và thu hoạch. Như vậy, người nông dân trở nên chủ động hơn trong hoạt động trồng trọt trước những thay đổi của

khí hậu, thời tiết. Bên cạnh đó, theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2008) cho thấy rằng, người nông dân Trung Quốc đã thực hiện sự thay đổi tưới tiêu và sự thay đổi cây trồng khi nhiệt độ và lượng mưa thay đổi. Việc nhận thông tin sớm hơn về tình hình thời tiết cũng như ảnh hưởng của BĐKH đã giúp người nông dân có kế hoạch trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và đảm bảo được cuộc sống.

5.3 Thái Lan

Thái Lan là quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, BĐKH đã và đang đe dọa nghiêm trọng nền kinh tế của Thái Lan, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của quốc gia “vựa lúa của Châu Á”. Tác động của BĐKH như các vấn đề nhiệt độ bề mặt tăng cao hơn, lũ lụt, hạn hán, bão và nước biển dâng đe dọa nhấn chìm Bangkok trong vòng 20 năm. Để ứng phó với mối đe dọa này, các chuyên gia đã xây dựng một bức tường phòng chống lũ lụt để bảo vệ Bangkok. Thiết kế bức tường bảo vệ dài 80km, cao hơn mực nước biển trung bình là 3m và xây dựng 300m ngoài khơi nhằm phục vụ như một rào cản tự nhiên chống lại xói mòn bờ biển. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Thái Lan đã trồng hàng trăm giống cây trồng mới thích ứng hơn với ngập mặn và nước biển dâng. Đa dạng sinh học giống lúa, làm tăng độ màu mỡ của đất, góp phần cho hệ sinh thái phát triển nhanh. Ngoài ra, Thái Lan đã thực hiện dự án “Mưa Hoàng gia”, sử dụng máy bay gieo các hạt muối vào các đám mây kết tụ ẩm độ bên trong để tạo ra mưa khi không có mưa tự nhiên nhằm giảm bớt thiệt hại do hạn hán.

6. Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL

Theo Vũ Thị Lê Hoa (2021), thời gian qua, dù đã có nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch hành động được ban hành và thực thi nhằm phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL bền vững và thích ứng với BĐKH, trong điều kiện thời tiết cực đoan. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Về chất lượng sản phẩm: trong phát triển ngành trồng trọt, tuy sản xuất cho sản lượng và năng suất gia tăng nhưng chất lượng sản phẩm chỉ ở mức trung bình, các giống cây

được lựa chọn chưa đáp ứng yêu cầu vừa chịu được hạn vừa cho năng suất và chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong quá trình sản xuất, do sử dụng vật tư đầu vào thiếu kiểm soát, các loại hóa chất và thuốc kháng sinh được sử dụng nhiều trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản nên chất lượng và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được đảm bảo.

- Về phương thức sản xuất và chuỗi giá trị nông sản: dù quy mô sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng nhưng thiếu sự liên kết giữa các bên trong quá trình sản xuất, nên việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn gián đoạn. Các hộ nông dân ĐBSCL có quy mô nhỏ, không có kho trữ, ít vốn, dễ bị các thương lái ép giá khi có biến động bất lợi trên thị trường về giá đầu vào và đầu ra. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ĐBSCL khá thấp (chiếm khoảng 1,1% tổng số doanh nghiệp vùng ĐBSCL), liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp còn lỏng lẻo, tình trạng phá vỡ hợp đồng nông sản còn phổ biến.

Điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ tiêu thụ, bảo quản, chế biến,... sản phẩm nông nghiệp, nhất là hạ tầng logistic còn nhiều hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, do đó, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp cận các kịch bản BĐKH, phòng chống thiên tai, cập nhật thông tin về môi trường, nguồn nước,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản còn thấp (Nguyễn Hoàng Anh, 2021).

- Về mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH: còn tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, chưa được phát triển đồng bộ. Cụ thể như mô hình tôm - lúa ở ĐBSCL, đây được đánh giá là một trong những mô hình sản xuất hiệu quả và bền vững, là mô hình sản xuất không tác động xấu tới môi trường xung quanh, thích ứng với điều kiện BĐKH hiện nay với mức đầu tư phù hợp với đa số các hộ nông dân trong vùng. Tuy nhiên, khi áp dụng mô hình này, người dân sản xuất với quy mô nhỏ lẻ, chưa liên kết để làm mô hình, làm đất và gieo theo lịch đồng loạt, kinh nghiệm trong sản xuất của người dân chưa nhiều, chủ yếu vẫn canh tác theo tập quán cũ, một bộ phận thiếu vốn đầu tư cũng như thiếu các thông tin

kỹ thuật mới, nguy cơ rủi ro do bệnh dịch trên tôm, sâu bệnh trên lúa cao, đặc biệt là hạn hán, xâm nhập mặn dẫn đến hiệu quả kinh tế trung bình của mô hình này nhiều năm qua còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng. Bên cạnh đó nguy cơ tác động ngày càng gia tăng do BĐKH cực đoan, khó lường, tình trạng sụt lún đất, xói lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt ngày càng nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp toàn vùng (Vũ Thị Lê Hoa, 2021).

- Về hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai: vẫn chưa chủ động kiểm soát được tình hình ngập úng, chưa giải quyết được tình trạng vi phạm do xây dựng cơ sở hạ tầng trên kênh, rạch, từ đó ảnh hưởng đến môi trường nước trong các khu đô thị bao chống lũ triệt để.

- Vấn đề phát triển thiếu bền vững của ĐBSCL

Quá trình đô thị hóa - công nghiệp hóa và di dân đang tạo ra nhiều thách thức cho vùng ĐBSCL, quá trình phát triển này sẽ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, đồng thời làm tăng nhu cầu về nước sạch cũng như phát sinh nhiều nước thải, rác thải sinh hoạt. Đây cũng là nguyên nhân gây BĐKH và ngập lụt tại các đô thị (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2017).

Bên cạnh đó, với sự phát triển nội tại của vùng, ngoài việc làm suy giảm nghiêm trọng rừng ngập mặn, rừng tràm do phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản; thì việc khai thác cát quá mức trên sông Tiền, sông Hậu làm trầm trọng thêm sự thiếu hụt trầm tích, khai thác kiệt quệ nước ngầm làm mất đất sụt lún (Nguyễn Hữu Thiện (2017).

7. Một số giải pháp thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH

Thích ứng không phải là hành động chỉ diễn ra một lần mà là một quá trình lặp đi lặp lại liên tục theo thời gian. Những trải nghiệm và bài học thực tế cần được ghi chép lại, phổ biến rộng rãi và hiệu chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện thay đổi thực tế. Qua nghiên cứu đánh giá thực thi chính sách và bài học kinh nghiệm quốc tế nông nghiệp bền vững thích

ứng BDKH, thời gian tới lĩnh vực nông nghiệp vùng ĐBSCL cần tập trung triển khai một số đề nghị sau:

Một là, phát huy vai trò của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy PTBV vùng ĐBSCL thích ứng với BDKH.

Hai là, trước hết, cần tập trung đầu tư, nâng cấp các Viện nghiên cứu về trái cây, chăn nuôi, thủy sản theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, doanh nghiệp tham gia đặt hàng, giám sát, nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Ba là, đầu tư phát triển khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển nông nghiệp của vùng như công nghệ nhà kính, công nghệ tái sử dụng nước, công nghệ tiết kiệm nước... Đây là những công nghệ được cho thấy là giải pháp thành công ở nhiều quốc gia và khu vực để giảm thiểu chi phí sản xuất, giảm thiểu tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên với ngành nông nghiệp, bên cạnh đó cho năng suất cao và tiết kiệm nước.

Bốn là, tập trung nghiên cứu và đưa vào sản xuất các giống cây mới, có thể chịu mặn, chịu hạn, ngập lụt, chịu được nhiệt độ cao, khô hạn, cần ít nước, nhưng có năng suất cao, sản xuất với chi phí thấp, có thể kết hợp với các hệ thống canh tác lúa, trái cây, thủy sản hoặc chuyển đổi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất; bên cạnh đó là chăn nuôi những giống vật nuôi phù hợp với thời tiết và khí hậu của vùng để phục vụ sản xuất theo mô hình canh tác nông nghiệp thông minh nhằm duy trì sự phát triển

ổn định của ngành nông nghiệp.

Năm là, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa 5 nhà: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà tư vấn - Nhà nông để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như gia tăng đóng góp của ngành nông nghiệp cho GDP quốc gia. Nhà nước đóng vai trò quan trọng nhất, Nhà nước xây dựng luật và các quy định điều tiết hoạt động của toàn ngành nông nghiệp và tạo điều kiện cho bốn nhà còn lại phối hợp với nhau để đạt hiệu quả cao. Nhà khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ áp dụng cho phát triển nông nghiệp, nghiên cứu các giống cây và giống vật nuôi thích ứng với khí hậu địa phương, cho năng suất cao. Nhà doanh nghiệp tập trung vào các dự án về nông nghiệp và triển khai các hoạt động thương mại. Nhà tư vấn có nhiệm vụ tư vấn đa dạng, từ chăn nuôi, gieo trồng đến nhu cầu mua bán sản phẩm trên thị trường. Nhà nông là người bỏ vốn đầu tư, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất nông nghiệp, họ cũng là người ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Sáu là, xây dựng đề án để tăng cường hợp tác với các vùng kinh tế khác, hoặc với các quốc gia, tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới để chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm và nhận sự hỗ trợ về vốn, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực cho quá trình thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2017. *Quy hoạch tổng thể theo hướng tích hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*. Hội nghị PTBV vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu, Cần Thơ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016. *Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam*. NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ, Hà Nội.
- Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc, 2018. *Thực hiện chính sách liên kết vùng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 7 (482), tr.52-64
- Đặng Thị Hoa và Quyền Đình Hà, 2015. *Cơ sở lý luận và thực tiễn về thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân ven biển*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, số 1/2015.
- Lê Anh Tuấn, 2011. *Tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long*,

- Việt Nam*. Sách Biến đổi khí hậu: Tác động, thích ứng và chính sách nông nghiệp. NXB Nông nghiệp 2011.
- Nguyễn Hoàng Anh, 2021. Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Công Thương, số 25 – tháng 11/2021, trang 125-129.
- Nguyễn Ngọc Đệ và Nguyễn Duy Cần, 2016. *Sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long - Thành tựu và phát triển*, NXB ĐHCT, 2016, pp. 2-40.
- Nguyễn Hữu Thiện, 2017. *Ba thách thức đối với PTBV vùng đồng bằng sông Cửu Long: Kiến nghị chiến lược ứng phó và phát triển*. Hội nghị PTBV vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu, Cần Thơ.
- Nguyễn Minh Luân, 2016. *Nông nghiệp tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững*. Luận án tiến sĩ. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quang Thuấn, Hà Ngọc Huy và Phạm Sỹ An, 2019. Giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới.
- Nguyễn Thị Hường, 2015. *Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu*. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ. Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Miên, 2017. *Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững tỉnh Nam Định*. Luận văn tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Xuân Cường, 2019. *Báo cáo kết quả tái cơ cấu ngành, sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp vùng ĐBSCL và nhiệm vụ thời gian tới*. Hà Nội.
- SDMD2045, 2022. *Diễn đàn Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long*. Website: <https://sdmd2045.ctu.edu.vn/van-de-noi-bat/kinh-te-xa-hoi>.
- Vũ Thị Lê Hoa, 2021. *Phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Nông nghiệp Phát triển nông thôn, Kỳ 1 – tháng 01/2021.
- Vũ Trọng Bình, 2013. *Phát triển nông nghiệp bền vững - Lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 196, 37- 45.
- China Meteorological Administration, 2019. *The Blue Paper of Climate Change 2019 in China*.
- IPCC, 2007. *Regional Climate Projection*, Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom and new York, NY, USA.
- Richard R. Harwood, 1990. *Lịch sử nông nghiệp bền vững - Hệ thống nông nghiệp bền vững*. USA: St, Lucie Press.
- Wang, Jinxia; Mendelsohn, Robert; Dinar, DC, 2008. *Policy Research Working Paper; No. 4758. Ariel; Huang, Jikun*. How China's Farmers Adapt to Climate Change. World Bank, Washington.